

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1523/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ân

Bà Lê Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 553/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 871/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 729/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Kim Tuyên N**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **Số H P, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

2. Bị đơn: Ông **Lê Thanh P**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **Số A Q, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 09 tháng 03 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Đặng Kim Tuyên N** trình bày:

Bà và ông **Lê Thanh P** tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân **Phường A, quận G, nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh** cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/7/2015. Sau khi kết hôn, bà và ông **P** có nhiều bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, không có tiếng nói chung. Nguyên nhân chính là do ông **P** không tu chí làm ăn, thường xuyên đi nhậu, không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng cố gắng

hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả và sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Bà không còn tình cảm với ông P, bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 01 con chung tên Lê Ngọc Gia H. sinh ngày 19/11/2015, từ nhỏ đến giờ con chung sống với bà. Từ khi ly thân đến nay, ông P không quan tâm, thăm nom, chăm sóc con, không chu cấp gì cho con. Hiện tại, bà và con đang sinh sống tại nhà ba mẹ ruột của bà địa chỉ số H P, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành; không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông P không có tài sản chung.

Bị đơn ông P vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà N yêu cầu được ly hôn với ông P, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung không có.

Bị đơn ông P vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà N được ly hôn với ông P. Về con chung: Bà N trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Lê Ngọc Gia H, sinh ngày 19/11/2015; ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có tài sản chung. Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà N nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông P, ông P có địa chỉ cư trú tại số A Q, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông P theo đúng quy định tại Điều 175, Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông P đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các đương sự:

[2.1] Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ việc*”. Bị đơn ông P không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà N cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.2] Bà N yêu cầu được ly hôn với ông P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà N và ông P chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140 quyền số 01/2015 ngày 29/7/2015 được Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên hôn nhân của bà N và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà N, sau khi kết hôn vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra bất hòa, không có tiếng nói chung, ông P không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2022 đến nay.

Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời xác minh Công văn số 936/TAKV7 ngày 02/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Bà Đặng Kim Tuyền N và ông Lê Thanh P trong thời gian chung sống với nhau tại địa chỉ 1 đường Q, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân phường C nhận được đơn thư kiến nghị, phản ánh liên quan đến vấn đề hôn nhân của bà N với ông P. Ủy ban nhân dân phường kính chuyển Tòa án nhân dân khu vực 7 giải quyết theo quy định.

Hơn nữa, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không trình bày ý kiến, không thể hiện gì về việc níu kéo hạnh phúc gia đình. Cuộc sống giữa vợ chồng bà N và ông P không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không tạo điều kiện cho nhau phát triển, ông P

bỏ mặc bà N, không có sự quan tâm gì đến bà N và con, vợ chồng đã ly thân từ năm 2022. Như vậy, hôn nhân bà N và ông P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn với ông P là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/7/2015 không còn giá trị pháp lý.

[2.3] Về con chung: Bà N và ông P có 01 con chung tên Lê Ngọc Gia H, sinh ngày 19/11/2015. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con;

Hội đồng xét xử xét thấy, con chung từ khi sinh ra đến nay sống trực tiếp với mẹ là bà N và con chung có nguyện vọng được sống với mẹ nên việc bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện và ý kiến tại phiên tòa, bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con, đây là sự tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Bà N trình bày là không có tài sản chung nhưng ông P không đến Tòa trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà N chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được cân trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018077 ngày 24/3/2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, Điều 91, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Đặng Kim Tuyên N** được ly hôn với ông **Lê Thanh P**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 140 quyền số 01/2015 ngày 29/7/2015 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà **Đặng Kim Tuyên N** và ông **Lê Thanh P** có 01 con chung tên **Lê Ngọc Gia H**, sinh ngày 19/11/2015.

Bà **Đặng Kim Tuyên N** trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Bà **Đặng Kim Tuyên N** tự nguyện không yêu cầu ông **Lê Thanh P** cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Lê Thanh P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà **Đặng Kim Tuyên N** chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được miễn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018077 ngày 24/3/2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Đặng Kim Tuyên N** đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 7 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Cúc